

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST  
Ngày 27-7-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Kim Luyến.

Ông Nguyễn Quốc Thống.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2020/TLST - DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST – DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp CL, xã TG, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:**

+ Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

+ Bà Võ Kim N, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp LN, xã TG, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Kim H trình bày: Năm 2018 vợ chồng ông T và bà N mượn của bà 120.000.000 đồng và có làm tờ cam kết trả nợ vào tháng 01/2018. Sau khi mượn và làm cam kết thì vợ chồng ông T không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ nên có tranh chấp. Sau đó vợ chồng ông T nhận tiền đặt cọc sang đất và có trả vốn 20.000.000 đồng thì không trả số tiền còn lại nên tranh chấp ra chính quyền áp giải quyết, vợ chồng ông T hứa trả cho bà 50.000.000 đồng khi thủ tục sang đất hoàn tất, nhưng khi sang đất xong thì đến nay chưa trả cho bà số tiền còn lại 100.000.000 đồng. Nay

bà khởi kiện yêu cầu ông T và bà N trả lại 100.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T và bà Võ Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Xét việc vắng mặt của ông T và bà N được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà N là đúng quy định.

[2] Nguyên đơn bà H khởi kiện cho rằng vào năm 2018 ông T và bà N mượn của bà 120.000.000 đồng, có làm tờ cam kết trả nợ và có hòa giải tại chính quyền ấp, vợ chồng ông T trả vốn 20.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng đến nay chưa trả. Chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là “Tờ cam kết” ngày 11/01/2018 của ông T và bà N cam kết trả 120 triệu, hứa hàng tháng trả 2 triệu; tại biên bản hòa giải ngày 06/12/2018 tại ấp LN thể hiện bà N và ông T có nợ bà H tổng 120.000.000 đồng, bà H nhận trước 20.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng, đến tháng 02/2019 trả 30.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng mỗi tháng trả 2.000.000 đồng và bà H thống nhất cho bà N, ông T chuyển nhượng đất cho người khác. Từ chứng cứ nêu trên, có cơ sở cho rằng ông T và bà N có nợ bà H đúng như nội dung bà H khởi kiện. Ngoài ra, khi bà H khởi kiện tại Tòa án đòi lại tài sản thì ông T và bà N biết nhưng cho đến nay không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này cho thấy ông T và bà N đồng ý nội dung nguyên đơn khởi kiện.

[3] Như vậy, ông T và bà N có mượn bà H số tiền 120.000.000 đồng, đến ngày 06/12/2018 thì còn nợ bà H tổng 100.000.000 đồng, ông T và bà N hứa chuyển nhượng đất để trả nợ nhưng không thực hiện đúng cam kết, vi phạm hợp đồng. Do đó, nay bà H kiện đòi lại 100.000.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật số tiền 5.000.000 đồng (100.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc ông Nguyễn Hoàng T và bà Võ Kim N phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Kim H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông T và bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự ông T và bà N phải chịu 5.000.000 đồng (chưa nộp). Bà H không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả lại cho bà H số tiền 2.500.000 đồng dự nộp tại biên lai số 0007065 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Trần Quốc Kiên**